|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  Số: /2023/TT-BNNPTNT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn quy định quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định công tác bảo trì công trình nước sạch nông thôn tập trung.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. Quy trình bảo trì là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

3. Cơ quan quản lý công trình là UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phân cấp, ủy quyền quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

5. Kiểm tra thường xuyên là việc xem xét chủ yếu bằng trực quan để phát hiện các dấu hiệu hư hỏng nhằm đánh giá hiện trạng của công trình nước sạch nông thôn tập trung và máy móc, thiết bị lắp đặt vào công trình.

6. Kiểm tra định kỳ là hoạt động tổng kiểm tra, rà soát toàn bộ công trình, hệ thống đường ống cấp nước, thiết bị lắp đặt vào công trình bằng trực quan hoặc thiết bị chuyên dụng, thuê chuyên gia (nếu cần thiết).

7. Kiểm tra đột xuất là hoạt động kiểm tra đánh giá công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung ngay khi phát hiện có các hiện tượng hư hỏng hay xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị được giao quản lý công trình.

8. Quan trắc công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển vị và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.

9. Kiểm định xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của công trình, bộ phận công trình thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

10. Bảo dưỡng công trình nước sạch nông thôn tập trung là hoạt động đơn giản phải làm hàng ngày hoặc thường xuyên hàng tuần, hàng tháng trong năm, không đòi hỏi công nghệ phức tạp, sử dụng lao động thủ công, vật liệu để duy trì sự hoạt động bình thường của công trình và máy móc, thiết bị.

11. Sửa chữa định kỳ là hoạt động theo chu kỳ, khắc phục hư hỏng lớn, thay thế một số bộ phận quan trọng hết tuổi thọ, nếu không được sửa chữa có khả năng gây mất an toàn, hạn chế năng lực phục vụ của công trình và máy móc, thiết bị.

12. Sửa chữa đột xuất là hoạt động khẩn cấp khắc phục sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc, thiết bị do tác động của mưa, gió, bão, lũ, ngập lụt, úng, động đất, va đập, cháy, nổ, những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình, máy móc, thiết bị có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

**Điều 3. Yêu cầu về bảo trì công trình**

1. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định về cấp nước sạch nông thôn tập trung và các quy định tại Thông tư này;

2. Bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phải thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố áp dụng và bảo đảm cấp nước an toàn;

3. Quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được lập phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình và loại công trình (công trình khai thác nước, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch, thiết bị đo đếm nước, các công trình phụ trợ có liên quan).

**Chương II**

**QUY TRÌNH BẢO TRÌ**

**Điều 4.** **Trách nhiệm lập quy trình bảo trì**

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế cùng với hồ sơ thiết kế; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình có trách nhiệm bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình;

c) Trường hợp nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị quy định tại điểm a và điểm b khoản này không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để lập quy trình bảo trì và có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn;

d) Chủ đầu tư tổ chức lập quy trình bảo trì theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 47 Điều 1 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. Chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có thể thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do nhà thầu thiết kế lập làm cơ sở cho việc phê duyệt.

2. Đối với các công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản công trình có trách nhiệm tổ chức lập quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình nếu cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình.

3. Không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất cấp nước từ 10.000 m3/ngày đêm trở xuống, công trình tạm. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình vẫn phải thực hiện bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng hiện hành.

4. Trường hợp công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung sử dụng công trình khai thác nước do đơn vị khác quản lý thì đơn vị quản lý vận hành công trình khai thác nước có trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình theo quy định về loại công trình, cấp công trình theo quy định hiện hành.

**Điều 5. Căn cứ lập quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

1. Căn cứ lập quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm:

a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình;

b) Quy trình bảo trì của công trình tương tự (nếu có);

c) Hồ sơ thiết kế (kể cả hồ sơ thiết kế điều chỉnh, nếu có), chỉ dẫn kỹ thuật thi công xây dựng công trình;

d) Chỉ dẫn của nhà sản xuất, cung cấp và lắp đặt thiết bị vào công trình;

đ) Điều kiện tự nhiên, điều kiện nguồn nước nơi xây dựng công trình;

e) Các tài liệu cần thiết khác.

2. Đối với công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, ngoài quy định tại các khoản 1 điều này, việc lập quy trình bảo trì còn phải căn cứ vào hồ sơ hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công và khả năng khai thác thực tế của công trình.

**Điều 6. Nội dung quy trình bảo trì**

1. Nội dung chính của quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất cấp nước theo thiết kế từ 10.000m3/ngày đêm trở lên bao gồm:

a) Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;

b) Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;

c) Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;

d) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;

e) Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp;

f) Quy định thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;

g) Quy định về nội dung, phương pháp và thời điểm đánh giá lần đầu, tần suất đánh giá đối với công trình phải đánh giá an toàn trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và quy định của pháp luật có liên quan;

h) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;

i) Quy định thời điểm, phương pháp, chu kỳ quan trắc đối với công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc theo các quy định hiện hành về quan trắc, bảo trì công trình;

k) Quy định về hồ sơ bảo trì công trình xây dựng và việc cập nhật thông tin vào hồ sơ bảo trì công trình xây dựng;

l) Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất cấp nước theo thiết kế nhỏ hơn 10.000m3/ngày đêm, nội dung chính của quy trình bảo trì bao gồm:

a) Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;

b) Quy định đối tượng, phương pháp và chu kỳ phải thực hiện kiểm tra công trình và thiết bị;

c) Quy định nội dung, cách thức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng công trình và thiết bị;

d) Quy định thời điểm, hướng dẫn thay thế định kỳ thiết bị lắp đặt vào công trình;

e) Quy định điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì.

**Điều 7. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình**

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, việc phê duyệt quy trình bảo trì thực theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đã đưa vào khai thác, thẩm quyền phê duyệt như sau:

a) Đối với hệ thống công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do nhà nước đầu tư thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình tổ chức phê duyệt quy trình bảo trì;

b) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do tư nhân đầu tư thì nhà đầu tư chịu trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì công trình;

c) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) thì thực hiện theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Tổ chức có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình trước khi phê duyệt. Kinh phí thuê tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

**Điều 8. Điều chỉnh quy trình bảo trì trong quá trình khai thác, sử dụng**

1. Các trường hợp điều chỉnh quy trình bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung:

a) Khi thay đổi các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho bảo trì công trình;

b) Khi tổ chức, cá nhân khai thác công trình phát hiện các yếu tố bất hợp lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng công trình.

2. Lập, phê duyệt quy trình bảo trì điều chỉnh công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu tư vấn lập quy trình bảo trì điều chỉnh;

b) Việc phê duyệt quy trình bảo trì điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

**Chương III**

**BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH**

**Điều 9. Tài liệu phục vụ bảo trì công trình**

1. Tài liệu phục vụ bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng, các biên bản nghiệm thu có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác sử dụng; quyết định phê duyệt quyết toán công trình; biên bản bàn giao công trình;

b) Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo); hồ sơ lưu trữ điện tử (nếu có);

c) Hồ sơ và lý lịch thiết bị, thiết bị công nghệ; sơ đồ quy trình công nghệ cấp nước gồm thu nước, xử lý, trữ, phân phối nước sạch đến khách hàng; các tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành thiết bị, dây chuyền công nghệ lắp đặt vào công trình (nếu có);

d) Quy trình bảo trì công trình;

e) Hồ sơ về giải quyết sự cố công trình (nếu có);

f) Các tài liệu liên quan đến kiểm tra, kiểm định, quan trắc, bảo dưỡng, sửa chữa và các công việc khác liên quan đến bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

2. Trách nhiệm lập, cung cấp, tiếp nhận các hồ sơ tài liệu trong giai đoạn đầu tư xây dựng để phục vụ bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung như sau:

a) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mở rộng, dự án sửa chữa công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, chủ đầu tư tổ chức lập, bàn giao tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, e tại khoản 1 Điều này cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình trước khi đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Khi bàn giao, bên giao và bên nhận phải kiểm tra xác định tình trạng hồ sơ bàn giao và lập danh mục hồ sơ bàn giao;

b) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đang khai thác, nhà thầu thực hiện công tác bảo trì chịu trách nhiệm lập hồ sơ tài liệu theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều này.

3. Tài liệu phục vụ bảo trì đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất cấp nước theo thiết kế nhỏ hơn 1.000 m3/ngày đêm bao gồm:

a) Quyết định của UBND tỉnh về việc giao công trình cho đơn vị quản lý;

b) Hồ sơ bàn giao công trình gồm: Quyết định phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt quyết toán; hồ sơ hoàn công; sơ đồ quy trình công nghệ cấp nước gồm thu nước, xử lý, trữ, phân phối nước sạch đến khách hàng; các tài liệu hướng dẫn sử dụng vận hành thiết bị, dây chuyền công nghệ lắp đặt vào công trình (nếu có).

**Điều 10. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

1. Kế hoạch bảo trì.

Kế hoạch bảo trì công trình nước sạch nông thôn tập trung sử dụng vốn ngân sách nhà nước gồm các thông tin: tên công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, danh mục, hạng mục công trình, công việc thực hiện; khối lượng chủ yếu, kinh phí thực hiện; thời gian, phương thức thực hiện.

2. Các công việc trong kế hoạch bảo trì.

Các công việc trong kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được thực hiện theo quy định tại quy trình bảo trì công trình, bao gồm một số công việc sau:

a) Kiểm tra công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (Công trình khai thác nước; Công trình xử lý nước; Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch; Thiết bị đo đếm nước; Các công trình phụ trợ có liên quan);

b) Bảo dưỡng thường xuyên công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

c) Sửa chữa định kỳ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo chu kỳ, khắc phục hư hỏng lớn, thay thế một số bộ phận quan trọng hết tuổi thọ hoặc đến thời điểm phải thay thế theo quy định; sơn sửa nhà trạm và các công trình phụ trợ; bảo dưỡng trạm bơm; bảo dưỡng thiết bị trên mạng và xúc xả đường ống cấp nước và các công việc khác (nếu có) theo quy định tại quy trình bảo trì;

d) Các nội dung công việc không thường xuyên: quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, lập quy trình bảo trì; sửa chữa phương tiện, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác quản lý vận hành công trình; bảo quản công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trong một số trường hợp đặc thù.

3. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do Nhà nước đầu tư xây dựng.

a) Hàng năm, căn cứ vào tình trạng, các thông tin về quy mô, kết cấu, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Đồng thời căn cứ vào quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình lập kế hoạch bảo trì công trình trình cơ quan chuyên môn thẩm định các danh mục và dự toán bảo trì cho năm sau trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch bảo trì;

b) Cấp quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình nước sạch nông thôn tập trung trước ngày 30 tháng 6 của năm trước kỳ kế hoạch;

c) Trường hợp cần bổ sung hạng mục bảo trì ngoài kế hoạch bảo trì đã phê duyệt. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình trình cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản chấp thuận chủ trương, danh mục bổ sung thực hiện các công việc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và tổng hợp kế hoạch bảo trì điều chỉnh bổ sung, trình cơ quan quản lý công trình kế hoạch bảo trì điều chỉnh trước ngày 31 tháng 10 của năm trước kỳ kế hoạch;

Các công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài quy định tại điểm c khoản này, thì có thể được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do tư nhân đầu tư xây dựng.

a) Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuậtchủ sở hữu tài sản tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì;

b) Trong trường hợp cần bổ sung công trình sửa chữa ngoài kế hoạch đã duyệt chủ sở hữu tài sản có thể điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

5. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư xây dựng theo phương thức đối tác công tư.

Công tác bảo trì công trình và chi phí thực hiện phải được quy định trong hợp đồng dự án. Trước ngày 31 tháng 12 năm trước liền kề, chủ sở hữu lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì trên cơ sở quy trình bảo trì được duyệt, hiện trạng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; gửi kế hoạch bảo trì được duyệt cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giám sát. Các công việc bảo trì và chi phí thực hiện bảo trì trong kế hoạch bảo trì hàng năm do chủ sở hữu duyệt không được vượt quy định tại hợp đồng dự án, trừ trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung khối lượng và chi phí thực hiện công việc bảo trì do xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc khi có phát sinh công việc bảo trì ngoài hợp đồng dự án đã ký, chủ sở hữu đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án xem xét để thỏa thuận bổ sung theo quy định của hợp đồng dự án.

**Điều 11. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình**

1. Đối với hệ thống công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do Nhà nước đầu tư

Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung hàng năm được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình;

2. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do tư nhân đầu tư: Chủ sở hữu công trình tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do mình đầu tư, khuyến khích chủ sở hữu tham khảo, áp dụng các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này để thực hiện kế hoạch bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

3. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo PPP:

a) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì, hợp đồng dự án đã ký kết thực hiện hiện theo kế hoạch, phương án bảo trì, bảo dưỡng công trình đáp ứng các nghĩa vụ, nhiệm vụ và trách nhiệm của nhà đầu tư trong giai đoạn vận hành, khai thác, bảo đảm cấp nước an toàn và chất lượng công trình;

b) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP có nghĩa vụ báo cáo tình hình bảo trì công trình định kỳ trong thời gian khai thác theo hợp đồng dự án và quy định pháp luật chuyên ngành;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án có trách nhiệm tổ chức giám sát, kiểm tra doanh nghiệp dự án PPP hoặc nhà đầu tư thực hiện bảo trì theo quy định trong hợp đồng dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì được duyệt; xử lý doanh nghiệp dự án PPP hoặc nhà đầu tư nếu có vi phạm việc quản lý, bảo trì công trình theo quy định của pháp luật và quy định của hợp đồng dự án.

4. Cơ quan, tổ chức được giao thực hiện kế hoạch bảo trì tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp dự án PPP và nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn trong kế hoạch bảo trì theo đúng quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì

a) Cơ quan quản lý công trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra và hướng dẫn, đánh giá việc xây dựng, thực hiện kế hoạch bảo trì các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn quản lý.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án PPP có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra doanh nghiệp dự án thực hiện kế hoạch bảo trì công trình theo quy định của Thông tư này, quy định của hợp đồng dự án.

**Điều 12. Nội dung thực hiện bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

1. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và kế hoạch bảo trì được phê duyệt.

2. Kiểm tra công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Kiểm tra công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo quy định tại tại khoản 2 Điều 33 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

b) Căn cứ vào kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được phê duyệt, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình tổ chức thực hiện việc kiểm tra công trình, hạng mục công trình, máy móc, thiết bị và lập báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm hiện trạng về công trình, hạng mục công trình, máy móc, thiết bị và đề xuất, kiến nghị (nếu có) trên cơ sở kết quả kiểm tra.

c) Kiểm tra công trình cấp nước sạch nông thôn tập có thể bằng trực quan, bằng các số liệu quan trắc thường xuyên (nếu có) hoặc bằng thiết bị chuyên dụng;

d) Kiểm tra công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo trì công trình;

3. Bảo dưỡng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Căn cứ vào kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác tổ chức thực hiện việc bảo dưỡng. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản tổ chức kiểm tra, nghiệm thu công tác bảo dưỡng và chất lượng thực hiện công tác bảo dưỡng. Kết quả thực hiện công tác bảo dưỡng phải được ghi chép và lập hồ sơ lưu trữ theo quy định;

b) Công tác bảo dưỡng công trình sử dụng lực lượng công nhân tại chỗ của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác để thực hiện. Nội dung thực hiện bao gồm một số công tác chính như tra dầu mỡ, vệ sinh công nghiệp máy móc, thiết bị lắp đặt, đường ống trên hệ thống; trát trít những vị trí nứt nẻ; thau rửa các bể chứa, vớt rong rêu và các nội dung khác theo quy định của nhà sản xuất hoặc quy trình bảo trì.

4. Sửa chữa định kỳ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Sửa chữa định kỳ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo điểm a khoản 4 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Căn cứ vào kế hoạch bảo trì và quy trình bảo trì được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình tổ chức thực hiện công tác sửa chữa, lập báo cáo kết quả sửa chữa định kỳ. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công tác sửa chữa. Tổng hợp, lưu trữ hồ sơ theo quy định;

c) Các hoạt động sửa chữa thực hiện theo chu kỳ quản lý khai thác sử dụng theo các quy định của nhà sản xuất, lắp đặt hoặc các tiêu chuẩn, quy trình bảo trì để thay thế các thiết bị, bộ phận thiết bị cơ khí, hệ thống thiết bị điện, thiết bị lắp đặt vào công trình; sửa chữa hư hỏng kết cấu công trình;

d) Sửa chữa định kỳ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng, đầu tư xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác có liên quan.

5. Sửa chữa đột xuất công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Sửa chữa đột xuất công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung sử dụng vốn ngân sách nhà nước: khi công trình, bộ phận công trình, máy móc, thiết bị bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất dẫn đến công trình có nguy cơ sập đổ, gián đoạn cấp nước cần phải sửa chữa khẩn cấp mà không có trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình báo cáo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản về sự cố, tổ chức thực hiện các giải pháp cấp bách để khắc phục sự cố; tổ chức lập, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư các hạng mục sửa chữa đột xuất; tổ chức thực hiện và hoàn thiện hạng mục sửa chữa đột xuất nhằm đảm bảo cấp nước và an toàn công trình. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí, phương thức thực hiện và hoàn thiện hồ sơ theo quy định đối với trường hợp sửa chữa đột xuất tại quy định trên; báo cáo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì hàng năm.

6. Kiểm định chất lượng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Các trường hợp phải kiểm định công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

b) Căn cứ vào kế hoạch bào trì và quy trình bảo trì được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, thanh quyết toán việc kiểm định. Tổng hợp, lưu trữ, báo cáo kết quả kiểm định và đề xuất, kiến nghị trên cơ sở kết quả kiểm định.

c) Nội dung kiểm định công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm: Kiểm định chất lượng bộ phận công trình, công trình xây dựng; Kiểm định xác định nguyên nhân hư hỏng, xác định nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của công trình, bộ phận công trình xây dựng, đường ống cấp nước và thiết bị đo đếm nước; Kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình.

7. Quan trắc công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Các trường hợp phải quan trắc

Công trình, bộ phận công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung chịu lực chính bị hư hỏng; các kết cấu, nền móng, trụ đỡ, hệ thống đường ống cấp nước có dấu hiệu lún, nứt, nghiêng, vỡ, rò rỉ nước và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình khai thác sử dụng.

Theo yêu cầu của chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản công trình cấp nước sạch nông tập trung;

b) Căn cứ vào kế hoạch bảo trì và quy trình bảo trì được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung tổ chức thực hiện việc quan trắc theo quy định. Thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, thanh quyết toán đối với những nội dung quan trắc phải thuê đơn vị có chuyên môn thực hiện. Tổng hợp, lưu trữ, báo cáo kết quả quan trắc và đề xuất, kiến nghị trên cơ sở kết quả quan trắc.

c) Nội dung quan trắc gồm: các vị trí quan trắc, thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số (biến dạng nghiêng, lún, nứt, chuyển vị, võng), thời gian quan trắc, số lượng chu kỳ đo và các nội dung cần thiết khác;

8. Kiểm định chất lượng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Các trường hợp phải kiểm định công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

b) Căn cứ vào kế hoạch bảo trì và quy trình bảo trì được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, thanh quyết toán. Tổng hợp, lưu trữ, báo cáo kết quả kiểm định và đề xuất, kiến nghị trên cơ sở kết quả kiểm định;

c) Nội dung kiểm định công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bao gồm: Kiểm định chất lượng bộ phận công trình, công trình xây dựng; Kiểm định xác định nguyên nhân hư hỏng, xác định nguyên nhân sự cố, thời hạn sử dụng của công trình, bộ phận công trình xây dựng, đường ống cấp nước và thiết bị đo đếm nước; Kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình.

9. Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo phương thức đối tác công tư, khi sửa chữa các hư hỏng nằm ngoài quy định của hợp đồng dự án thì Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi thực hiện; trừ các trường hợp cần sửa chữa khẩn cấp, xử lý sự cố công trình hoặc sửa chữa để ngăn ngừa sự cố sập, đổ công trình.

**Điều 13. Quản lý chất lượng trong công tác bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

1. Quản lý chất lượng trong công tác bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo các quy định sau:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình, chủ đầu tư dự án bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, nhà thầu thực hiện công tác bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công tác bảo trì theo đúng quy định của pháp luật;

b) Quản lý chất lượng công tác bảo dưỡng được thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng công trình, máy móc, thiết bị; quy định hiện hành về giám sát, nghiệm thu khối lượng và chất lượng thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng hoặc quy trình bảo trì. Kết quả thực hiện công tác bảo dưỡng phải được ghi chép và lập hồ sơ; cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hữu hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có trách nhiệm xác nhận việc hoàn thành công tác bảo dưỡng và quản lý trong hồ sơ bảo trì công trình xây dựng;

c) Quản lý chất lượng công tác sửa chữa định kỳ và đột xuất (bao gồm các công việc khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, thi công, giám sát nghiệm thu) được thực hiện theo các quy định của Luật Xây dựng; quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; quy định của pháp luật về quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác thi công sửa chữa; lập, quản lý và lưu giữ hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định.

2. Quản lý chất lượng công tác bảo trì đối với công trình đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định tại hợp đồng dự án;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án đối tác công tư tổ chức kiểm tra doanh nghiệp dự án đối tác công tư trong việc thực hiện công tác bảo trì để đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm chất lượng, vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đã được duyệt thì xử lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định trong hợp đồng dự án.

3. Thời hạn bảo hành công tác sửa chữa công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung không ít hơn sáu tháng. Mức tiền bảo hành không ít hơn 5% giá trị hợp đồng.

4. Trường hợp công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có yêu cầu về quan trắc hoặc phải kiểm định chất lượng thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình phải thuê tổ chức có đủ điều kiện năng lực để thực hiện. Trường hợp cần thiết cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có thể thuê tổ chức độc lập để đánh giá báo cáo kết quả kiểm định, báo cáo kết quả quan trắc.

**Điều 14. Thực hiện bảo trì đối với công trình đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì**

Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thực hiện các công việc sau:

1. Khảo sát, kiểm tra và đánh giá chất lượng hiện trạng công trình; tổ chức kiểm định chất lượng nếu thấy cần thiết để làm cơ sở lập quy trình bảo trì;

2. Tổ chức lập quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

3. Trong thời hạn chưa ban hành quy trình bảo trì riêng cho công trình, cơ quan đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình có thể áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình của công trình, hạng mục công trình tương tự phù hợp để thực hiện bảo trì công trình do mình quản lý cho đến khi ban hành quy trình riêng cho công trình do mình quản lý. Trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn đánh giá sự phù hợp trước khi áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình của công trình, hạng mục công trình tương tự phù hợp.

**Điều 15. Báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

1. Đối với hệ thống công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do Nhà nước quản lý, việc báo cáo thực hiện công tác bảo trì như sau:

a) Định kỳ 6 tháng và hàng năm, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình báo cáo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản công trình về thực hiện công tác bảo trì công trình trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12;

b) Nội dung báo cáo gồm: hạng mục công trình/công việc thực hiện; khối lượng, kinh phí, thời gian thực hiện; điều chỉnh so với kế hoạch được giao (nếu có); đánh giá kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành; đề xuất kiến nghị (nếu có).

2. Đối với hệ thống công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo phương thức đối tác công tư hoặc do tư nhân đầu tư, việc báo cáo thực hiện công tác bảo trì thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này hoặc theo quy định tại hợp đồng dự án đã ký kết.

**Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

1. Nguồn kinh phí thực hiện bảo trì bao gồm: Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, các nguồn vốn từ việc thu tiền sử dụng nước, nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân và và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 17. Chi phí bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung**

1. Chi phí bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 8 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện theo các quy định của pháp luật tương ứng với nguồn vốn đảm bảo cho công tác bảo trì.

2. Dự toán chi phí bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được lập theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu công việc bảo trì phải thực hiện, kế hoạch thưc hiện bảo trì, điều kiện và biện pháp thi công bảo trì công trình.

3. Đối với dự toán chi phí bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung sử dụng vốn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên có giá trị dưới 500 triệu đồng thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản hoặc tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình phê duyệt đề cương, dự toán hoặc báo cáo kinh tế – kỹ thuật với các nội dung:

a) Tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần sửa chữa, thay thế;

b) Lý do sửa chữa hoặc thay thế, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế;

c) Khối lượng công việc;

d) Dự toán chi phí;

e) Thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

4. Đối với dự toán chi phí bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung sử dụng vốn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên có giá trị trên 500 triệu đồng thì cơ quan chuyên môn được phân giao chủ trì thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

5. Khi công trình đang trong giai đoạn bảo hành không tính chi phí sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng do lỗi của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị. Chi phí này thuộc trách nhiệm của các nhà thầu. Đối với các hạng mục không cần bảo dưỡng hoặc hạng mục các công việc đã có trong công tác sửa chữa, không tính chi phí bảo dưỡng thường xuyên trong thời gian thực hiện dự án sửa chữa.

**Chương iv**

**Điều khoản thi hành**

**Điều 18. Trách nhiệm bảo trì**

1. Cục Thủy lợi

a) Hướng dẫn các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh, các đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình trong việc bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thuộc phạm vi quản lý đảm bảo quy định của quy trình bảo trì, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và kế hoạch bảo trì được giao;

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm về bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Rà soát, kiểm tra thực hiện công tác bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thuộc phạm vi quản lý;

b) Xây dựng kế hoạch tập huấn, hướng dẫn về bảo trì công trình cho các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân các cấp

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện bảo trì các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn quản lý.

4. Đơn vị quản lý khai thác; nhà thầu thực hiện công tác bảo trì; chủ đầu tư (đối với công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp)

a) Thực hiện việc bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao theo quy định của Thông tư này, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình, nội dung hợp đồng đã ký đảm bảo cấp nước an toàn, hiệu quả và bảo vệ môi trường;

b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo trì công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do mình quản lý, thực hiện, bảo đảm cấp nước an toàn và quy định của pháp luật.

**Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Thủy lợi chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 20. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 11 năm 2023

2. Các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo hình thức đối tác công tư đã ký kết hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo hợp đồng dự án đã ký. Trường hợp hợp đồng dự án chưa có quy định chi tiết về bảo trì công trình hoặc các dự án đã phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời xem xét, xử lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;  - Toà án Nhân dân tối cao;  - Tổng kiểm toán nhà nước;  - Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử CP;  Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - UBND, Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Bộ NN và PTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử Bộ;  - Các Chi Cục Thuỷ lợi;  - Lưu VT, CTL (10b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Lê Minh Hoan** |